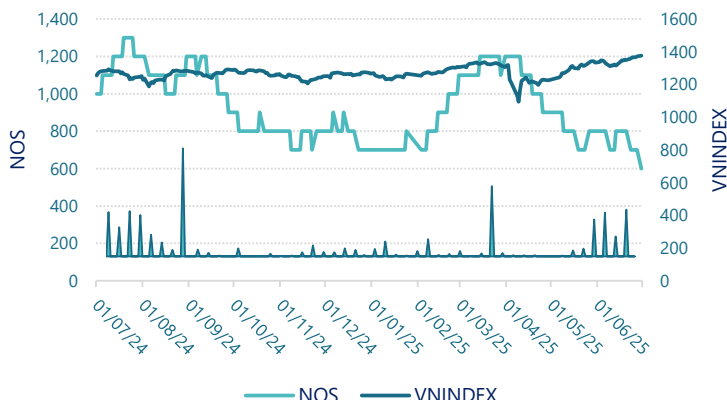




CTCP Vận tải Biển và Thương mại Phương Đông (UPCOM: NOS)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 30/06/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	600
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	1,300
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	600
SL cổ phiếu LH	19,525,932
KLGD BQ 20 phiên (CP)	6,705
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	12
P/E	0.0
EPS	-12,823

DT thuần

Q2/25

29.2

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 2.30 | 8.6%

YoY: ▼ 18.1 | -38.2%

LN sau thuế

Q2/25

-129

tỷ VNĐ

QoQ: ▼ 91.7 | -245%

YoY: ▲ 25.0 | 16.4%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

-373%

+/- YoY: ▼ 90.0%

DT thuần

6T 2025

56.1

tỷ VNĐ

YoY: ▼ 34.8 | -38.2%

LN sau thuế

6T 2025

-166

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 39.0 | 18.9%

ROE

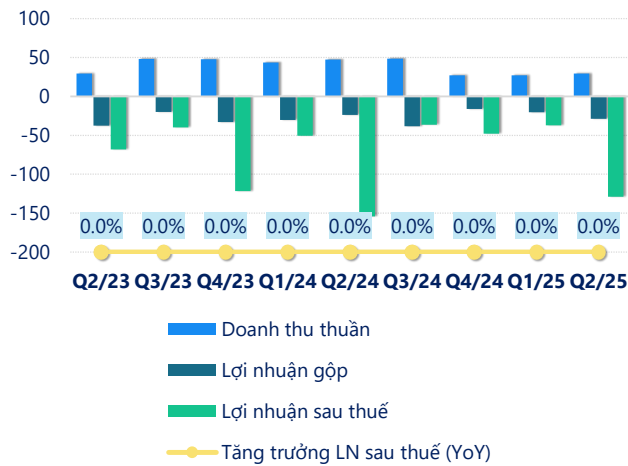
Q2/25

4.9%

+/- YoY: ▼ 2.7%

tỷ VNĐ

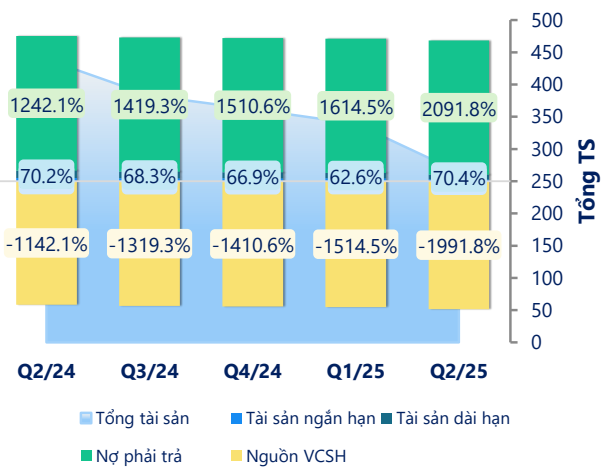
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

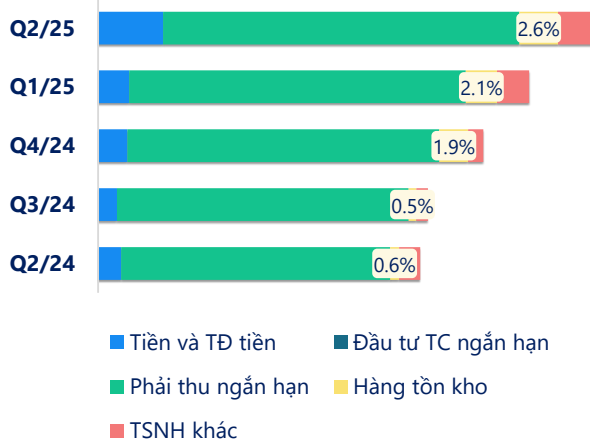
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



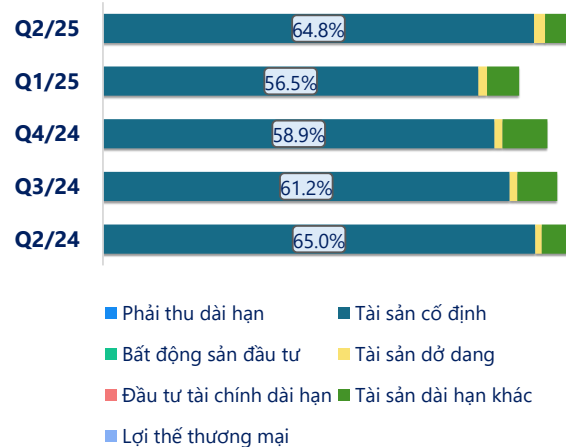
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

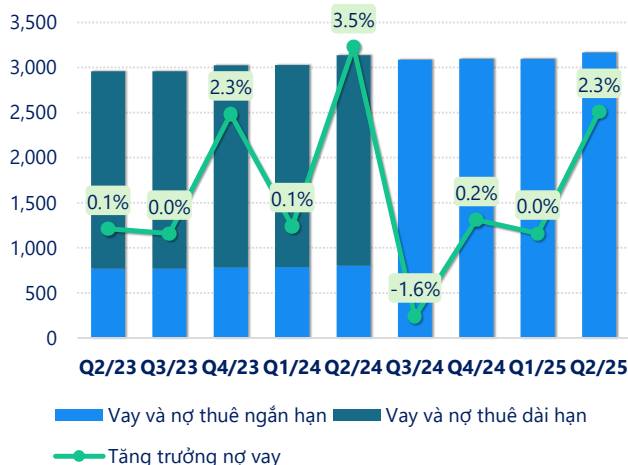
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

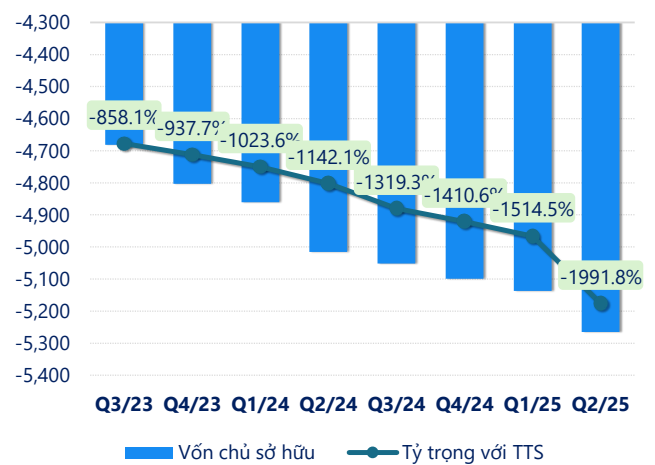
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

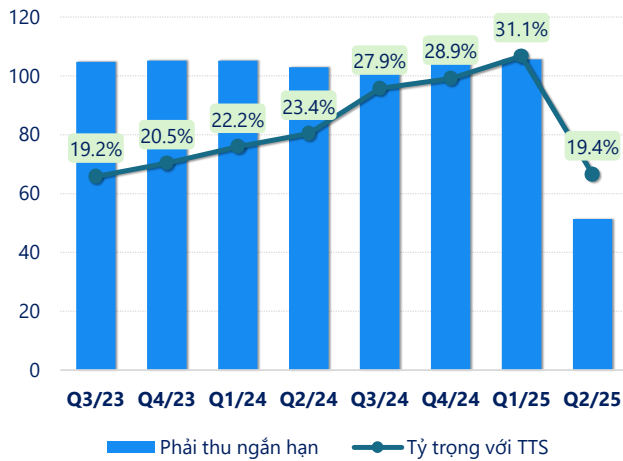
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



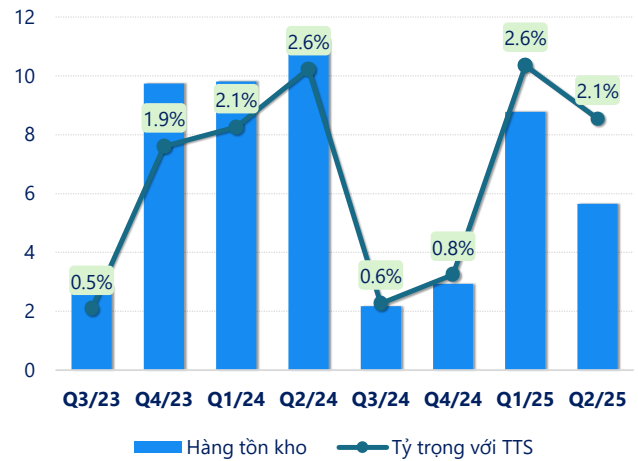
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


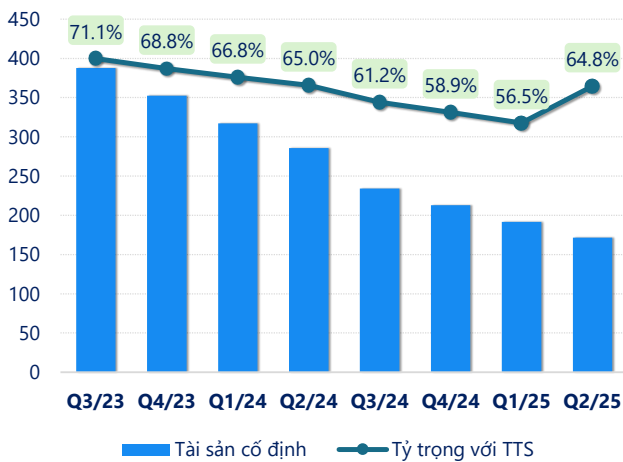
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


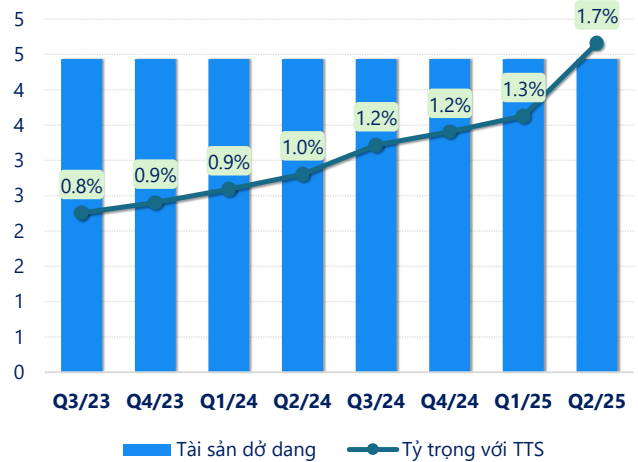
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

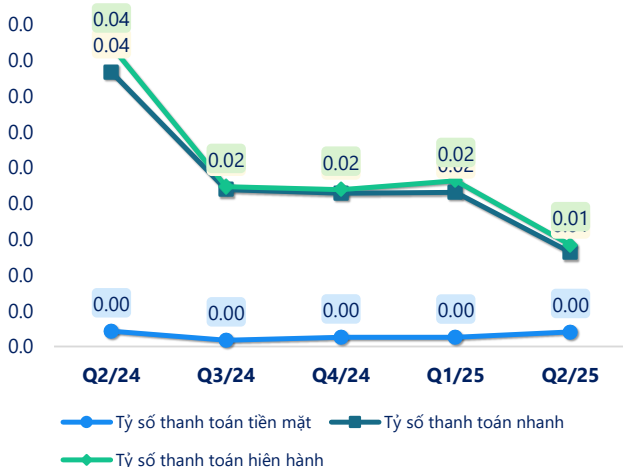
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	439	383	362	339	264
Tài sản ngắn hạn	131	121	120	127	78.4
Tiền và tương đương tiền	6.68	4.75	7.01	6.95	11.3
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	103	107	105	106	51.3
Hàng tồn kho	11.2	2.17	2.93	8.78	5.65
Tài sản ngắn hạn khác	10.0	7.41	5.29	5.39	10.1
Tài sản dài hạn	308	262	242	212	186
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	286	234	213	192	171
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	4.43	4.43	4.43	4.43	4.43
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	18.3	23.0	24.4	16.5	10.1
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	5,454	5,434	5,461	5,476	5,530
Nợ ngắn hạn	3,121	5,433	5,460	5,475	5,528
Vay và nợ thuê ngắn hạn	803	3,085	3,093	3,092	3,163
Phải trả người bán ngắn hạn	171	168	170	174	165
Nợ dài hạn	2,333	1.46	1.46	1.46	1.58
Vay và nợ thuê dài hạn	2,333	1.03	1.03	1.03	1.03
Nguồn vốn chủ sở hữu	-5,015	-5,052	-5,100	-5,137	-5,266
Vốn chủ sở hữu	-5,015	-5,052	-5,100	-5,137	-5,266
Vốn điều lệ	201	201	201	201	201
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)